

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG

Số: 4035  
ĐẾN Ngày: 26/12/2016

Chuyên: .....

Lưu hồ sơ số: .....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn năm 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (có Bảng quy định đính kèm).

**Điều 2.** Thời gian thực hiện từ năm ngân sách 2017 đến năm 2020.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2016. / *Kieu*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH.

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Đặng Tuyết Em**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG QUY ĐỊNH TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH,  
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, NGÂN SÁCH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nguồn thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) của các cấp ngân sách địa phương	Tỷ lệ %	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
<b>I</b>	<b>Thành Phố Rạch Giá</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	95	5
3	Lệ phí trước bạ	100	0	96	4
<b>II</b>	<b>Thị xã Hà Tiên</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>III</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>IV</b>	<b>Huyện Tân Hiệp</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20

STT	Nguồn thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) của các cấp ngân sách địa phương	Tỷ lệ %	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
<b>V</b>	<b>Huyện Giồng Riềng</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>VI</b>	<b>Huyện Gò Quao</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>VII</b>	<b>Huyện An Biên</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>VIII</b>	<b>Huyện An Minh</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>IX</b>	<b>Huyện Vĩnh Thuận</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20

STT	Nguồn thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) của các cấp ngân sách địa phương	Tỷ lệ %	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
<b>X</b>	<b>Huyện U Minh Thượng</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>XI</b>	<b>Huyện Hòn Đất</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>XII</b>	<b>Huyện Kiên Lương</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>XIII</b>	<b>Huyện Giang Thành</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20
<b>XIV</b>	<b>Huyện Phú Quốc</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu) <sup>(1)</sup>	100	28	70	2
3	Lệ phí trước bạ	100	45	52	3

STT	Nguồn thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) của các cấp ngân sách địa phương	Tỷ lệ %	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
<b>XV</b>	<b>Huyện Kiên Hải</b>				
1	Tiền sử dụng đất	100	40	60	0
2	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu)	100	0	90	10
3	Lệ phí trước bạ	100	0	80	20

***Ghi chú:*** Trừ các khoản thu do Cục Thuế quản lý thu, gồm các doanh nghiệp và chi nhánh:

- 1 Công ty TNHH Một thành viên Vinpearl Phú Quốc  
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Vinpearl Phú Quốc-Tại Phú Quốc
- 2 Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc  
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Nam Bãi Khem
- 3 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc
- 4 Công ty Cổ phần bất động sản Syrena Phú Quốc
- 5 Chi nhánh Tập Đoàn dầu khí Việt Nam- Công ty điều hành Dầu khí Phú Quốc
- 6 Công ty Cổ phần xây dựng Hùng Thắng
- 7 Công ty TNHH Bim
- 8 Công ty Cổ phần Thủy sản Bim